

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST

Ngày : 19-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên PH

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Chí Lin

2/. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng KH là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/TLST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành P, sinh năm 1986; Nơi sinh tại Long An; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: KV5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An; Nơi cư trú: KV5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Cao Thị N, sinh năm 1959 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 02 tiền án: Tại Bản án số 04/2011/HSST ngày 24/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Thành P 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thi hành án tại Trại giam Thạnh Hòa – Tổng Cục VIII – Bộ Công an, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2015; Tại Bản án số 110/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Thành P 06 tháng tù về tội "Đánh bạc", với tình tiết tăng nặng là tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/11/2017, chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, tính đến thời điểm phạm tội chưa được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 20/12/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại Tòa.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn 2, xã V, huyện S, tỉnh Bình Định.

Tạm trú: ấp NH 1, xã T, huyện H, tỉnh Long An. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: KP 2, Phường 3, Thành phố N, tỉnh T Ninh. (vắng mặt)

2/ Bà **Mai Thiên G**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSĐH ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An truy tố Nguyễn Thành P về hành vi phạm tội như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thành P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 17/12/2018, P điều khiển xe mô tô không biển số của P đi từ nhà thuộc KV5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An đến địa bàn xã T, huyện H, tỉnh Long An. Khi đến nhà trọ Hùng Sơn thuộc ấp NH 1, xã T, huyện H, tỉnh Long An, P thấy nhà trọ không khóa cổng phía trước nên P để xe bên ngoài rồi đi vào khu nhà trọ. Khi nhìn thấy phòng trọ số 07 của ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 ngụ thôn 2, xã V, huyện S, tỉnh Bình Định không khóa cửa, ông T đang nằm ngủ trong phòng nên P đột nhập vào bên trong lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu xanh đen và 01 cái bóp da màu nâu bên trong có số tiền 15.100.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân. Sau đó, P đem điện thoại vừa trộm được đến cửa hàng điện thoại Minh Trí do bà Mai Thiên G làm chủ ngụ ấp 1, xã T, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh để bán, bà G hỏi điện thoại của ai thì P nói là điện thoại của P lượm được nên không biết mật khẩu, bà G đồng ý mua với giá là 1.600.000 đồng. Số tiền trộm được và tiền bán điện thoại P tiêu xài cá nhân, còn lại 50.000 đồng. Đến ngày 20/12/2018, Nguyễn Thành P đến Công an xã T đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp 01 cái bóp da màu nâu (chứa một số giấy tờ cá nhân) và số tiền 50.000 đồng.

Tại Bản kết luận về định giá tài sản số 110/KL.ĐGTS ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime trị giá 2.933.000 đồng, 01 bóp da màu nâu trị giá 16.500 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 2.949.500 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

+ 01 xe mô tô wave màu xanh, không có biển số, số máy: không, số khung: WC110201001052.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime màu xanh đen.

+ 01 điện thoại di động Trung Quốc màu đen hiệu Zip.

+ 01 bóp da màu nâu.

+ 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 77H1-323.74.

+ 01 giấy phép lái xe số 520112007420.

+ 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Hữu T.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu T.

+ Số tiền 50.000 đồng.

Qua quá trình điều tra, về vật chứng của vụ án:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime, 01 cái bóp da màu nâu, 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 77H1-323.74, 01 giấy phép lái xe số 520112007420, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Nguyễn Hữu T, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu T cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Hữu T theo biên bản trả lại tài sản ngày 25/01/2019.

- 01 xe mô tô wave màu xanh, không có biển số, số máy: không, số khung: WC110201001052, 01 điện thoại di động Trung Quốc màu đen hiệu Zip, số tiền 50.000 đồng, hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Hữu T yêu cầu P bồi thường số tiền 15.100.000 đồng.

- Bà Mai Thiên G yêu cầu P bồi thường số tiền 1.600.000 đồng.

Hiện tại, bị cáo chưa bồi thường cho ông T và bà G.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSDH ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố Nguyễn Thành P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố trong phần luận tội đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Thành P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử

phạt: bị cáo Nguyễn Thành P từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2018.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime, 01 cái bóp da màu nâu, 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 77H1-323.74, 01 giấy phép lái xe số 520112007420, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Nguyễn Hữu T, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu T cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Hữu T, nên không đề cập đến.

- Đối với 01 xe mô tô wave màu xanh, không có biển số, số máy: không, số khung: WC110201001052. Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên đề nghị tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Trung Quốc, màu đen, hiệu Zip. Do đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thành P không sử dụng vào mục đích phạm tội và tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu được nhận lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 50.000 đồng còn lại do bị cáo chiếm đoạt, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị hại Nguyễn Hữu T là chủ sở hữu hợp pháp đối với số tiền này.

(Tất cả tang vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ chờ xử lý theo quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKS ngày 21/02/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hữu T yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành P bồi thường 15.100.000 đồng là số tiền bị cáo lấy trộm tiêu xài và bà Mai Thiên G yêu cầu bị cáo P bồi thường 1.600.000 đồng là tiền bà G đã mua điện thoại từ P. Tại phiên tòa, bị cáo P đồng ý bồi thường số tiền như ông T và bà G yêu cầu. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T số tiền là 15.100.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 50.000 đồng mà ông T được nhận lại từ cơ quan thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, nên bị cáo P phải bồi thường tiếp tục cho ông T là 15.050.000 đồng; Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường cho bà G số tiền là 1.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở cuộc sống xã hội, lo làm ăn để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thiên G và bà Trần Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thành P đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý và bảo vệ tài sản của bị hại là ông Nguyễn Hữu T đã lén lút lấy trộm tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu xanh đen trị giá 2.933.000 và 01 cái bóp da màu nâu trị giá 16.500 đồng, bên trong có số tiền 15.100.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của kiểm sát viên. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thành P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo có hai tiền sự: Tại Bản án số 04/2011/HSST ngày 24/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Thành P 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thi hành án tại Trại giam Thạnh Hòa – Tổng Cục VIII – Bộ Công an, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2015; Tại Bản án số 110/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Thành P 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, với tình tiết tăng nặng là tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/11/2017, chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, nhưng đến tính đến thời điểm phạm tội ngày 17/12/2018, bị cáo đương nhiên chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cố ý trực tiếp, nên tội phạm và khung hình phạt của bị cáo P thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.1] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[3.2] Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Hữu T là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo bất chấp thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa pH, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Vì vậy cần áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; Đồng thời, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3.3] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị P hiện, bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình đây là sự đầu thú của bị cáo và bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.4] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

[4.1] Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime, 01 cái bóp da màu nâu, 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 77H1-323.74, 01 giấy phép lái xe số 520112007420, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Nguyễn Hữu T, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu T cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Hữu T. Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra công an huyện Đức Hòa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[4.2] Đối với 01 xe mô tô wave màu xanh, không có biển số, số máy: không, số khung: WC110201001052. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu của xe mô tô này là của bà Trần Thị Thanh H, nhưng bà H khai nhận là đã bán cho người khác nhiều năm trước đây và không nhớ rõ đã bán cho ai, bà H cũng không có yêu cầu gì hay có ý kiến gì đối với chiếc mô tô này. Bị cáo P xác định là xe của bị cáo mua từ một người khác đã lâu. Xét thấy, đây là pH tiện dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước như là lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4.3] Đối với 01 điện thoại di động Trung Quốc, màu đen, hiệu Zip. Do đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thành P không sử dụng vào mục đích phạm

tội và tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu được nhận lại, nên trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4.4] Đối với số tiền 50.000 đồng còn lại do bị cáo chiếm đoạt, nên trả lại cho bị hại Nguyễn Hữu T là chủ sở hữu hợp pháp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

(Tất cả tang vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ chờ xử lý theo quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKS ngày 21/02/2019).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hữu T yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành P bồi thường 15.100.000 đồng là số tiền có trong bóp bị cáo P lấy trộm và đã tiêu xài và bà Mai Thiên G yêu cầu bị cáo P bồi thường 1.600.000 đồng là tiền bà G đã mua điện thoại từ P. Tại phiên tòa, bị cáo P đồng ý bồi thường số tiền như ông T và bà G yêu cầu. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T số tiền là 15.100.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 50.000 đồng mà ông T được nhận lại từ cơ quan thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, nên bị cáo P phải bồi thường tiếp tục cho ông T là 15.050.000 đồng; Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Mai Thiên G số tiền là 1.600.000 đồng

[6] Đối với Mai Thiên G có hành vi mua bán điện thoại với bị cáo P, nhưng về ý thức bà G không biết tài sản là do P trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã không khởi tố bà G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 832.500 đồng (Tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P 03 (ba) năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ, tạm giam ngày 20/12/2018.

2. Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thành P 45 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2019) để bảo đảm thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

3.1 Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước đối với 01 xe mô tô wave màu xanh, không có biển số, số máy: không, số khung: WC110201001052.

3.2 Trả lại 01 điện thoại di động Trung Quốc, màu đen, hiệu Zip cho bị cáo Nguyễn Thành P.

3.3 Trả lại số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) cho bị hại Nguyễn Hữu T theo Biên lai thu tiền số 0001764 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Tang vật hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-KSĐT ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 59-21/602/2019 ngày 21/02/2019).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T số tiền là 15.100.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 50.000 đồng mà ông T được nhận lại từ cơ quan thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, nên bị cáo P phải bồi thường tiếp tục cho ông T là 15.050.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Mai Thiên G số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thành P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và chịu 832.500 đồng (Tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

6. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hòa;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương